TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173/**2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2020
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị L và anh La Văn D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: ÔngNgô Cao Lâm.

Bà Ma Thị Thu Loan.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1994.
Bị đơn: Anh La Văn D, sinh năm 1991.
Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị L và anh D đều vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Trần Thị L) và anh La Văn D kết hôn với nhau vào ngày 30/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở thôn K, xã C, huyện S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt. Vợ chồng anh chị đã được hai

bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa hợp được, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh La Văn D.

Về con chung: Chị và anh La Văn D có một con chung là cháu La Quang L, sinh ngày 03/02/2014, hiện cháu L đang ở cùng anh D. Sau khi ly hôn, chị đề nghị anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị xác định chị và anh La Văn D không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2020 bị đơn anh La Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (La Văn D) và chị Trần Thị L kết hôn với nhau vào ngày 30/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở thôn K, xã C, huyện S. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt, chị L đi làm công ty dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giảm đi mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị L có một con chung là cháu La Quang L, sinh ngày 03/02/2014, hiện cháu L đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh xác định anh và chị Trần Thị L không có tài sản và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh La Văn D; Giao cháu La Quang L, sinh ngày 03/02/2014 cho anh La Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận; Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh La Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 8/2016 anh chị đã ly thân, chị L kiên quyết xin ly hôn, còn anh D cũng nhất trí ly hôn với chị L.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh D là thực tế và đã trầm trọng, ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau và cả hai đã không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, thực tế cuộc sống chung của vợ chồng đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì và xây dựng một gia đình hạnh phúc. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L là xử cho chị Trần Thị L với anh La Văn D ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh La Văn D có một con chung là cháu La Quang L, sinh ngày 03/02/2014, hiện cháu L đang ở cùng anh D. Chị L đề nghị anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, anh D nhất trí với đề nghị của chị L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Trần Thị L và anh La Văn D xác định vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn với anh La Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu La Quang L, sinh ngày 03/02/2014 cho anh La Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên đương sự tự thỏa thuận; chị L được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003193 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh La Văn D không phải nộp án phí

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã C, Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bàn Văn Thế